

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA “BÁT DANH HƯƠNG” QUẢNG BÌNH

Lê Trọng Đại

Trường Đại học Quảng Bình

Tóm tắt. Bài viết giới thiệu một số đặc điểm nổi bật của từng “danh hương” trong “bát danh hương” Quảng Bình gồm: Lệ Sơn, La Hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa, Văn La, Võ Xá, Cổ Hiền và Kim Nại.

Từ khóa: danh hương; tứ danh hương; bát danh hương.

Vùng đất Quảng Bình trong lịch sử từng là địa bàn phân bố của các công xã thị tộc và kể đến là công xã nông thôn rồi làng xã của người Việt từ thời nguyên thủy đến thế kỷ XI. Trải qua các cuộc chiến tranh giữa Cham pa với các thế lực phong kiến Trung Hoa và giữa Cham pa với Đại Việt trước năm 1075 mà các làng xã của người Việt lẫn các làng (Palei) người Chăm nơi đây, một số bị tàn hại số còn lại phải di chuyển vào sâu về hai phía của dãy Hoành Sơn. Từ năm 1075, nhà Lý bắt đầu thực thi chủ quyền ở khu vực này bằng biện pháp di dân lập làng làm chỗ dựa cho việc phòng thủ biên cương mà các làng Việt được tái lập trở lại. Nhờ các đợt di dân khai canh, lập ấp tiếp theo ở các thời Trần, Hồ, Hậu Lê nên đến giữa thế kỷ XVI, phần lớn đất đai Quảng Bình đã được khai khẩn biến thành làng xóm, ruộng nương[12]. Từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX, phần lớn các làng xã ở Quảng Bình đã có quá trình hình thành phát triển trên 300 năm. Trên 3 thế kỷ là thời gian đủ cho làng xã nơi đây hình thành nên các truyền thống, các đặc điểm, đặc trưng của mỗi vùng đất và là cơ sở cho sự xuất hiện của các “danh hương”.

Qua nghiên cứu một cách hệ thống các tài liệu về lịch sử, địa chí của quốc gia và địa phương thời phong kiến (từ *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Dư địa chí*, *Ô châu cận lục*, *Phủ biên tạp lục*, *Hoàng Việt địa dư chí*,...) chúng ta chưa thấy có sự sắp xếp, phân biệt “danh hương” trên vùng đất Quảng Bình. Chỉ đến *Đại Nam nhất thống chí* trong phần tỉnh Quảng Bình lần đầu tiên các sử gia nhà Nguyễn mới nhắc đến 4 “danh hương” ở phủ Quảng Trạch là Sơn, Hà, Cảnh, Thổ. Dựa trên kết quả nghiên cứu đó chúng tôi khẳng định rằng các thuật ngữ *tứ danh hương*, *bát danh hương* của tỉnh Quảng Bình chỉ mới xuất hiện vào đầu thời Nguyễn (từ thời Minh Mạng đến nay). “Bát danh hương” là tám trong số các làng văn vật nổi tiếng của tỉnh Quảng Bình. Để được công nhận và tôn vinh là một “danh hương” ở Quảng Bình thì làng đó phải hội đủ những tiêu chí như: *có số người khoa bảng đỗ đạt làm quan đông đảo, có phong cảnh núi sông kỳ tú, có nhiều di tích lịch sử văn hóa, có trai tài gái sắc, có sinh hoạt văn hóa tinh thần phong phú (với nhiều phong tục tập quán, lễ hội đặc sắc; có nền văn học dân gian đa dạng ...)*[14]

Với khuôn khổ một bài viết được giới hạn, chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu cùng bạn đọc một số đặc điểm nổi bật của tám làng văn vật được dân gian tôn vinh và xếp vào nhóm “Bát danh hương” của tỉnh Quảng Bình.

Làng Lệ Sơn, nay là xã Văn Hóa (huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình)

Lệ Sơn có bề dày lịch sử với hơn 500 năm xây dựng và phát triển. Lệ Sơn là làng nổi tiếng có truyền thống hiếu học từ xưa đến nay. Ngay từ buổi đầu lập làng, ông Lê Văn Hành

(vị Tiền khai canh Lê Sơn) đã mời cụ Trần Cảnh Huống nguyên là quan Thái học ở trường Quốc tử giám nghỉ hưu về làm thầy học cho con em Lê Sơn. Cụ là người đầu tiên đến mở trường khai trí cho thế hệ trẻ Lê Sơn. Làng Lê Sơn trước đây là nơi khá cách trở về giao thông; đất canh tác nông nghiệp không nhiều mà nguồn nước ngọt lộ thiên lại không đủ tưới cho đồng ruộng khi trời hạn hán trong vụ đông xuân. Vụ hè thu ở Lê Sơn hầu như năm nào cũng bị ngập úng vì lũ lụt. Vì thế cho nên dù người Lê Sơn chọn trồng trọt làm ngành kinh tế chủ đạo nhưng cuộc sống của người dân nơi đây luôn phải đối mặt với thiếu đói trong các kỳ giáp hạt. Chính những khó khăn mà thiên nhiên tạo ra cho Lê Sơn đã khiến các bậc cha, mẹ dù thiếu thốn, khổ cực đến đâu cũng ra sức động viên con, cháu chăm lo học hành để thoát cảnh nghèo đói. Truyền thống khuyến học, khuyến tài do đó sớm hình thành ở Lê Sơn. Qua thống kê chưa đầy đủ, dưới chế độ phong kiến, con em Lê Sơn có trên 20 người đỗ cử nhân và khoảng gần 100 người đỗ tú tài [2]. Thời nhà Nguyễn, hầu như khoa thi nào cũng có người Lê Sơn đi thi và đỗ đạt. Mặc dù không có người đỗ đại khoa, nhưng làng Lê Sơn có một Giải nguyên là Lê Thời Tập đỗ năm Minh Mạng thứ 9 (1828); hai Á nguyên là Lê Huy Côn đỗ năm Minh Mạng thứ 6 (1825) và Lương Nhị đỗ năm Tự Đức thứ 35 (1882)[2]. Đặc biệt có ông Lương Khắc Kiệm là người tám khoa liên thi đỗ tú tài. Lê Sơn có quy định khuyến học bằng học điền: làng trích ruộng làm phần thưởng cấp cho người đỗ đạt. Một số phú hộ trong làng đã hiến ruộng cho làng làm học điền.

Lê Sơn là làng có nhiều danh sơn kỳ tú. Ở Lê Sơn có dãy núi đá vôi gần 100 đỉnh gắn với các truyền thuyết *Lên 99 chóp, Lên Đứt chân*. Núi Lê Sơn có nhiều hang động như *động Chân Linh, hang Mụ Trần, hang Oong*... đã đi vào huyền thoại, thi ca và cổ tích.

Lê Sơn có hệ thống di tích phong phú thờ đủ cả *tiên, thánh, thần, phật* (miếu Chân Linh thờ tiên nữ, Văn thánh thờ Khổng Tử (thánh), đình làng thờ Thành hoàng và các vị Khai canh, Khai khẩn (thần); chùa Phúc Tự (thờ Phật)). Ngoài ra ở Lê Sơn còn có nhiều di tích lịch sử - văn hóa khác như: miếu thờ của tám họ lớn, miếu Bà Sơn, miếu Tam Tòa, miếu Hiền Lương; miếu thờ các Đức ông: Thành hoàng, Câu Kê, Mậu Tiên hầu, Mạnh Linh; Hiền quận công, Chấn quận công,...

Dưới chế độ phong kiến, Lê Sơn có số lượng người làm quan rất đông đảo. Theo thống kê chưa đầy đủ Lê Sơn có trên 30 võ quan giữ chức từ Thượng tướng đến Đề đốc, Vệ úy, Phó vệ úy, Cai đội... Thượng tướng quân có Trà Quận công Nguyễn Trung Trực, Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ có Nguyễn Huy Tường. Đề đốc có Hoa Quận công Nguyễn Khắc Kham; các võ tướng như Trung kiệt tướng quân Lê Đình Liên, Quả cảm tướng quân Lê Huy Điện, Kỵ úy tướng quân Lê Đăng Loan, Tráng kiệt tướng quân Lương Tú Lâm; các Phần lực tướng quân Lê Đình Luyện, Lương Quốc Hậu,... Lê Sơn có nhiều quan văn từ Tuần phủ đến Thừa lại. Lê Sơn có Tuần Phủ Lê Duy Dân, 2 Bố Chính là Lê Ngọc Uẩn, Lê Tư Duệ; Án sát có Lê Thời Tập, Lê Huy Tuân,...Đốc học có Lương Nhị, Lê Bình, Tri Phủ và Đồng Tri phủ có Lương Duy Chí, Lương Khắc Khoan, Lê Huệ. Ngoài ra Lê Sơn còn có nhiều người làm quan trong triều từ Lang trung, đến Thụ lại các bộ. Trong số trên có những người nổi tiếng thanh liêm và trung nghĩa được thờ ở đền Trung nghĩa trong cổ đô Huế là Lê Duy Dân và Lê Huệ [6]; có 4 người được vua sai lập miếu Hiền Lương để dân làng thờ cúng.

Lệ Sơn là làng có trai tài: tướng Hoàng Sâm (Trần Văn Kỳ) nổi tiếng là người phi ngựa không cần yên cương, bắn súng cả hai tay trăm phát trăm trúng. Con gái Lệ Sơn nổi tiếng trắng da, dài tóc, tương truyền có người được tuyển vào cung vua Nguyễn.

Lệ Sơn có nhiều phong tục tập quán tốt như: giúp nhau lợp nhà, bỏ cau, bắt cheo đám cưới,... Người Lệ Sơn có những truyền thống tốt như: trọng danh dự, thượng võ, sống thanh bạch, lịch sự hiếu khách,...

Lệ Sơn có nhiều lễ hội đặc sắc như lễ Cầu đảo, Hội làng với nghi lễ tế Thành hoàng và các vị Khai canh, Khai khẩn gắn với các hội thi: đấu roi, đi quyền, thi làm bánh, nấu cỗ...

Lệ Sơn có nhiều sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian đặc sắc như hát Nhà trò, bói Kiều, đấu cờ người, hò đối đáp, sáng tác câu đố, làm câu đối: mừng thọ, mừng thăng quan tiến chức, mừng khai trương đình, miếu, đền thờ, nhà mới.

Làng La Hà, nay là thôn La Hà, xã Quảng Văn (huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình)

La Hà là làng có thành tích khoa bảng đứng đầu tỉnh Quảng Bình với 6 vị đỗ Đại khoa (tiến sỹ và phó bảng) và trên 30 vị đỗ Hương khoa (cống sỹ - cử nhân). Sở dĩ có kết quả đó trước hết là do người dân La Hà có truyền thống hiếu học.

Dưới chế độ phong kiến mặc dù không có trường học nhưng với truyền thống hiếu học mà nhiều gia đình đã tự thuê thầy ở địa phương khác về dạy hoặc gửi con em đi các nơi học tập. Khoa thi năm Tự Đức thứ 11, La Hà có 3 người cùng đỗ cử nhân gồm: Tạ Kim Bảng, Phạm Huy Rinh và Trần Văn Hội; nhiều khoa có 2 người cùng thi đỗ [2]. Đặc biệt trong gia đình họ Tạ có cả cha, con, bác, cháu, anh, em cùng thi đỗ. Đó là: Tạ Kim Vực cùng hai em là Tạ Kim Pha, Tạ Khuê; hai con là Tạ Kim Bảng, Tạ Ngọc Đường và cháu là Tạ Hàm đều đỗ cử nhân. Họ Trần ở La Hà cũng là một dòng họ khoa bảng nổi tiếng có hai anh em là Trần Văn Chuẩn đỗ tiến sỹ, em là Trần Văn Thức đỗ cử nhân; hai cha con cùng thi đỗ là tiến sỹ Trần Văn Hệ và con trai là Trần Hữu Xứng đỗ cử nhân. Họ Phạm cũng có hai cha con Phạm Huy Bính, Phạm Huy Rinh cùng đỗ cử nhân. “Trong lịch sử khoa cử của Quảng Bình dưới triều Tự Đức năm thứ 4 (1851), ở kỳ thi Hội đã ghi nhận một bảng vàng rực rỡ nhất cho Quảng Trạch và cả Quảng Bình là chỉ có 3 tiến sỹ mà Quảng Trạch chiếm cả 3, trong đó làng La Hà chiếm 2 vị....”[7; 473].

Dưới chế độ phong kiến, La Hà có đội ngũ trí thức đông đảo tài cao, học rộng, nhiều người làm quan to nên nhân dân trong phủ Quảng Trạch rất nể phục thậm chí có phần ái ngại khi giao lưu với người La Hà. Đó cũng là lý do mà ở Quảng Trạch xuất hiện câu thành ngữ “Vật giao La Hà trái”. Tiến sỹ Trần Văn Chuẩn - một người La Hà từng được cử làm Phó sứ dưới thời Tự Đức đi công cán ngoại giao tại Trung Quốc. Nhờ tài năng ứng đối giữ gìn quốc thể, làm quan có chứng tích, lại thanh liêm mà về sau Trần Văn Chuẩn được nhà vua thăng làm Tổng đốc Nghệ An, rồi lên Thượng thư Bộ Công.

La Hà có nhiều di tích lịch sử - văn hóa với một loạt nhà thờ họ, miếu thờ các thiên thần và nhân thần. Tiêu biểu là miếu Tam Quan, miếu Thành hoàng, miếu Tam Tòa; 9 miếu thờ các vị quan đỗ đạt được vua sắc phong. “Phía đông đình làng có miếu thờ Thánh Võ, phía đông nam làng có miếu thờ Xích đế, phía tây bắc có miếu thờ Thích đế, phía đông bắc

có miếu thờ Hắc đế. Ở bên đò qua Ba Đồn có miếu thờ Tả Quận công; hai miếu ở đồng biên thờ Quận công...

La Hà có nhiều lễ hội trong năm như những làng nông nghiệp khác đó là các lễ: cúng đầu năm, rằm tháng giêng, mùng 5 tháng năm, rằm tháng 7, lễ cầu yên. Đặc biệt vào rằm tháng giêng hàng năm, Hội đồng hương lý làng đứng ra tổ chức tết Nguyên tiêu. Các dòng họ trong làng làm mâm cỗ vào đình cúng Thành hoàng. Vào những đêm trăng sáng trai gái làng thường hò hẹn hát giao duyên. Tại sân đình làng vào dịp tết Nguyên tiêu, dân làng tập trung tổ chức những trò chơi dân gian như chọi gà, đánh cờ người, kéo co, đấu vật..."[15]

La Hà cũng là làng có nền văn hóa dân gian độc đáo, giàu sức sáng tạo. Văn nghệ dân gian của La Hà gồm nhiều thể loại: dân ca, hò mái nhì, mái đẩy, vè, ví dặm, hát bội, tuồng cổ có nguồn gốc xứ Nghệ. "Các thể loại phú, bài cúng, văn tế cũng lưu truyền rộng rãi trong thôn xóm. Những bài thơ ca, hò, vè, phú do dân làng sáng tác tuy có phần mộc mạc nhưng thấm đẫm tình người như những bài thơ "Ca ngợi cảnh đẹp La Hà", "Tả đường thôn", vè "Thi hồng"...; ví dặm: "Đi hỏi vợ"...; những giai thoại về thần đồng Trần Văn Thống hay về danh tướng Mai Hữu Tập. Chuyện đi sứ và được phong tiến sĩ lưỡng quốc của cụ Trần Chuẩn cũng được sáng tác đề ca ngợi sự thông minh hiếu học của các danh nhân La Hà xưa"[15].

Làng Cảnh Dương nay là xã Cảnh Dương (huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình)

Khác với những *danh hương* khác, vùng đất Cảnh Dương là một bán đảo có 3 mặt sông biển, người xưa hình dung "Cảnh Dương như một con thuyền đang bồng bềnh trên sóng nước". Với diện tích chỉ 3 km² trong đó đất thổ cư chiếm 33 ha, phần còn lại toàn là cát nên Cảnh Dương không có đất trồng lúa, trồng màu như các làng quê khác ở Quảng Bình. Tuy không có đất canh tác nông nghiệp nhưng Cảnh Dương vẫn được thiên nhiên ưu đãi những tiềm năng nhất định để phát triển các nghề thủ công và đánh bắt hải sản. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi và người dân cần cù chịu khó mà "Cảnh Dương dưới thời phong kiến đã trở thành một trong những làng giàu có vào bậc nhất châu Bố Chính xưa"[4]. Có tiềm lực kinh tế khá giả nên cư dân Cảnh Dương rất chú ý đầu tư kinh phí cho con em học hành khoa cử. Cảnh Dương là một vùng đất có cảnh quan kỳ tú, có sông núi hùng vĩ: "Sông Loan (sông Roòn), núi Phụng như một bức tranh đẹp, hài hòa cân xứng làm nên cảnh sắc riêng của xứ Roòn mà làng Cảnh Dương chính là một điểm son rực rỡ trong bức tranh thiên nhiên kỳ tú đó"[5; 16].

Cảnh Dương có nhiều di tích lịch sử - văn hóa. Đến trước Cách mạng tháng Tám, làng vẫn còn đủ 20 đình, chùa, am, miếu gồm: chùa thờ Phật, am Hội Phở (Phật học), nhà thờ bốn giáp: Đông, Trung, Nam, Tây và miếu thờ Đức thánh Trần. Giữa làng có Đình lớn (thờ Thành hoàng), Đình Tổ, Đình Thánh, Đình Quan cư (nơi đón các quan), miếu Ông Tặ; bốn góc làng có bốn miếu Quan trấn. Các xóm có miếu Thổ, cửa lạch có Bang thờ thần sông, thần biển.

Chùa Cảnh Dương là một công trình nghệ thuật đặc sắc về kiến trúc và điêu khắc của thế kỷ XVII. Chùa là nơi tập trung khá nhiều hiện vật có giá trị về lịch sử và văn hóa của Cảnh Dương: chuông chùa được đúc từ cuối đời Cảnh Thịnh (1801) - một bảo vật quý hiếm từ thời Tây Sơn mà làng vẫn còn giữ được. Hai bên tiền sảnh có tượng ông thiện và ông ác.

Hậu tự là nơi đặt và thờ hàng trăm pho tượng kích cỡ lớn, nhỏ khác nhau bằng gỗ, bằng đồng hoặc thạch cao cùng nhiều tranh vẽ về các tích Phật.

Cảnh Dương cũng là làng hiếu học, khoa bảng có nhiều người đỗ đạt làm quan. Dưới triều Nguyễn, Cảnh Dương có 2 tiến sỹ: Phạm Chân (khoa Mậu Tuất 1838) và Nguyễn Phùng Dực (khoa Kỷ Dậu 1849); 01 Phó bảng là Trần Ngọc Diêu, 14 vị cử nhân và 120 tú tài. Những thành tựu đó là kết quả của sự đầu tư thích đáng cho việc học tập mà dân làng dành cho con em mình. Khi chưa có trường học, người Cảnh Dương thường gửi con em vào phủ vào tỉnh để học tập. Để khuyến khích việc học tập của con em, làng đã cho dựng hai tấm bia là *Cảnh Dương xã từ vũ bi* (dựng năm 1836) và *Văn hội tích bi* dựng năm Thành Thái thứ 12; trên bia ghi rõ tên những người khoa cử đỗ đạt từ tú tài đến tiến sỹ. Nhờ có truyền thống học hành, khoa bảng, nhiều người đỗ đạt mà Cảnh Dương có hội Tư văn dành cho lớp trí thức Nho học. Cảnh Dương cũng là làng có nhiều lễ hội nhất cả vùng Roòn. Có thể chia lễ hội của Cảnh Dương thành các loại: lễ hội liên quan đến nghề nghiệp: *lễ cầu ngư, xuất hành, lễ cửa; lễ Giỗ tổ và lễ tế rước Thành hoàng*; lễ hội phong tục: *lễ Kỳ yên, lễ động mỗ...*; lễ hội tôn giáo: *lễ Vu Lan, lễ Phật Đản*.

Văn học dân gian Cảnh Dương có đóng góp đáng trân trọng cho kho tàng văn học dân gian Quảng Bình với các thể loại: Truyền thuyết và giai thoại kể về lịch sử làng hoặc các nhân vật nổi danh (*Họ Cao, ăn mắm Hàm hương nhớ thương ông Cống, Cụ Thượng, Long vương lấy gỗ...*); truyện cổ tích nói về nhân tình thế thái (*Người chị dâu tốt bụng, Tôi chỉ hơn ông cái này, Ách giữa đàng quàng vào cổ...*); tục ngữ, ca dao nói về nghề nghiệp; về đi biển (*Nhật trình đi ra, Nhật trình đi vô, Rạng ngằm, Con nước...*); đồng dao (*Hú dê dê, O hòn ót họt, Luồn cầu vòng...*).

Cảnh Dương xưa là một làng quê văn vật; trong kháng chiến chống Pháp, Cảnh Dương là một pháo đài vững chắc - một làng chiến đấu kiêu mẫu, kiên cường, bất khuất của Quảng Bình. “Có được điều này một phần là do từ rất lâu đời dân làng Cảnh Dương luôn đoàn kết, gắn bó với nhau trong tình làng nghĩa nước, cần cù dũng cảm sáng tạo đương đầu với sóng to, gió lớn nơi sông dài, biển rộng trong công việc làm ăn, tôn trọng lệ làng, phép nước, kỷ cương, nề nếp trong sinh hoạt hương thôn”[5; 95].

Làng Thổ Ngọa ngày nay thuộc xã Quảng Thuận (huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình)

Nét văn hóa nổi bật đầu tiên của Thổ Ngọa cũng là truyền thống hiếu học. Dưới triều Nguyễn, người Thổ Ngọa đạt được thành tích khá ấn tượng trên đường khoa bảng: làng có 01 phó bảng, 15 cử nhân và rất nhiều tú tài. Thổ Ngọa xưa có nhiều thầy giáo giỏi là những ông tú, ông cử không ra làm quan hoặc từ quan về quê theo nghề dạy học. Trong số trí thức Nho học đó thì người nổi tiếng nhất là Trần Tiến Ích. Trần Tiến Ích đỗ đầu kỳ thi Hương năm Tự Đức thứ 32 (1879) nên thường được gọi là Đầu xứ hoặc Thủ khoa Ích. Trần Tiến Ích từng giữ chức Tế tửu Quốc tử giám (tương đương Hiệu trưởng trường ngày nay); về sau “ông từ quan về làng mở trường dạy học. Ông đã đào tạo ra rất nhiều sỹ phu, quan lại có danh vọng”[9; 346]. Khoa thi năm Tự Đức thứ 29 (1876), Thổ Ngọa có hai người cùng đỗ cử nhân là Nguyễn Hải và Nguyễn Xuân Hào.

Làng Thổ Ngọa có nhiều phong tục thuần mỹ: tục đặt tên, lễ đầy năm, cho con ra ở riêng, dạy con...Thổ Ngọa cũng là làng có lễ hội rất phong phú; ngoài các nghi lễ nông nghiệp, tế Thành hoàng, Thổ Ngọa còn có 7 loại hội khác nhau gồm: hội bài chòi, hội đấu roi, hội du xuân, hội cờ tướng, hội cờ thẻ, hội chọi gà, hội tháo khoán.

Thổ Ngọa có số lượng di tích lịch sử - văn hóa phong phú gồm: đình làng, chùa, đền Quan lớn tả, đền Văn thánh, đền Võ Thánh, miếu Tam Tòa, miếu Năm Nghè, miếu Lòi, miếu Xóm Cầu; 12 nhà thờ các họ lớn trong làng và điện thờ Thánh Mẫu.

Thổ Ngọa là làng văn hóa, văn nghệ dân gian đặc sắc với nhiều loại hình: hò khoan, hò ví phường vải Nghệ - Tĩnh, hò dô xứ Thanh, hò đưa linh; hát ru con và kho tàng ca dao tục ngữ, ngôn ngữ phong phú.

Thổ Ngọa cũng là một trong số những làng có nền văn hóa ẩm thực phong phú với hàng chục món ăn khác nhau. Cá chuối (cá làm từ chuối) dùng để nhấm rượu. Cơm thì có cơm gạo tẻ, cơm nếp, xôi trắng, xôi vò, xôi gấc; các món canh từ canh mít vằm, canh khoai tía, canh môn, canh cá quả, canh ếch nấu măng, canh rau tập tàng, mộc. Các món ăn về cá và thủy sản rất phong phú đặc sắc như: cá rô thóc rán giòn, cá nhét, cá trê kho lá gừng, cá bóng kho khô, cá tập tàng, hàu xào, chép chép xào; các món ăn từ ốc: ốc bươu luộc, ốc bươu xào khế, ốc vặn luộc mỡ. Các món gỏi: gỏi cá cầm, gỏi cá mòi, gỏi cá nghéo, gỏi nuột sứa, gỏi rạm. Các loại cháo gồm: cháo bánh canh, cháo hàu, cháo gà, cháo vịt,...Thổ Ngọa nổi tiếng với các loại bánh như bánh chưng, bánh tét, bánh lòn, bánh nóc chùa, bánh mật, bánh ít lá gai, bánh su sê, bánh in, bánh nỏ, bánh dẻo vùng lạc, bánh mít chuối, bánh xoài, bánh trắng, bánh ướt, bánh bèo, bánh xèo, bánh khoai lang...

Làng Văn La nay là thôn Văn La, xã Lương Ninh (huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình)

Văn La là nơi con sông Nhật Lệ mang hình con rồng lớn uốn một vòng lặn vào nên người ta gọi Văn La là đất “long đảo địa”. Là *danh hương văn vật* xếp hàng đầu của phủ Quảng Ninh xưa, Văn La cũng là làng có truyền thống hiếu học; tuy không nhiều người khoa cử đỗ đạt song vì Văn La có đội ngũ Nho học đông đảo nên ngay từ thế kỷ XVI, cư dân Văn La đã được Dương Văn An ca ngợi khi viết tổng luận cho *Ô châu cận lục*: “Văn La sẵn tay văn sỹ”. Làng có hội Tư văn là nơi tập hợp các nho sĩ đàm luận văn chương. Hội Tư văn này như một câu lạc bộ thơ và cũng là tổ chức khuyến học của làng. Văn La thường trích tiền của làng ít nhiều để đặt các suất học bổng hàng năm, cho trẻ con nghèo khổ mà ham học nhằm động viên con em học hành. Văn La tự lập một trường riêng để đào tạo con em của làng; lấy đình làng làm trường học, thầy giáo là các vị đồ Nho trong làng. Nhờ truyền thống hiếu học và nền giáo dục riêng này mà Văn La sớm có một tầng lớp Nho học đông đảo, có nhiều người làm quan to.

Văn La là làng có nhiều nhân tài. Họ Hoàng ở Văn La có tam đại là Đại học sĩ (hai Hiệp biện đại học sĩ và một Đông các đại học sĩ), hai Thượng thư dưới triều Nguyễn. Hoàng Kim Xán làm quan đến Thượng thư bộ Hình, sung Kinh lược sứ sau đổi sang Thượng thư bộ Binh lãnh Tổng đốc Định An. Ông làm quan có chính sách tốt, đến đâu dân cũng thương mến, được vinh hàm Hiệp biện đại học sĩ. Cháu là Hoàng Trọng Vĩ từng đỗ cử nhân làm quan đến Tuần vũ rồi Thượng thư bộ Công; ông mất tại quan xá sau được nhà Nguyễn liệt vào thờ ở đền Hiền Lương. Hoàng Kế Viêm thực sự là một nhân tài tiêu biểu. Vua Minh

Mạng đã không nhầm khi chọn Hoàng Kế Viêm làm Phò mã. Cháu của Hoàng Kim Xán là Hoàng Trọng Vỹ làm quan lên đến Thượng thư bộ Công, thăng Hiệp biện đại học sĩ. Cả ba người đều được phong tặng “Vinh lộc đại phu”; chất là Hoàng Trọng Đài đỗ Phó bảng được sơ bổ làm Tri phủ Anh Sơn.

Danh tài đặc biệt nhất của Văn La phải kể tới đầu tiên là Hoàng Kế Viêm. Ông là người văn võ kiêm toàn. Khi làm võ tướng ông lừng danh trong việc thu phục và đánh dẹp nạn giặc cướp Trung Quốc vốn là tàn quân cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc tràn sang nước ta ở các tỉnh biên giới phía bắc. Vừa chiêu dụ kết hợp với đánh dẹp, Hoàng Kế Viêm đã loại bỏ được quân Cờ vàng của Hoàng Sùng Anh; thu phục quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc. Ông cũng là một nhà chính trị, nhà kinh tế tài năng. Khi làm Tổng đốc An Tĩnh, Hoàng Kế Viêm khéo léo sử dụng nhà trí thức Nguyễn Trường Tộ giúp cho việc đào kênh Thiết Càng thành công (việc mà trước đây nhà Lê, nhà Hồ đã làm nhưng đều thất bại). Không chỉ có trai tài mà gái Văn La cũng nổi tiếng đẹp người đẹp nét. Tương truyền có một người con gái Văn La được vua Lào yêu mến cưới về làm phi.

Văn La cũng là làng có nhiều thuần phong, mỹ tục được ghi vào gia phả các dòng họ hoặc hương ước của làng. Bên cạnh truyền thống hiếu học thì người Văn La rất đề cao chữ hiếu, coi đó là đạo lý gia phong để răn dạy con cháu. Gia phả họ Hoàng lớn có chép: *“Ngoài chữ hiếu thông thường mọi người hiểu là phụng dưỡng cha mẹ, lại phải cần cù lao động, siêng năng học hành, trau dồi đức hạnh, khiêm tốn, không kiêu căng, có lòng từ thiện, bác ái giữ nếp sống thanh bạch”*.

Gia phả nhánh Trọng họ Lê ghi: *“Lấy chữ hiếu làm gốc, chúng ta dù ở bậc nào cũng lấy lòng hiếu thảo làm đầu. Công ơn tổ tiên sâu thăm thẳm, rộng thênh thang như biển Đông mà cao vòi vọi như đỉnh núi Đâu Mâu trong dãy Trường Sơn...”*. Gia phả họ Đỗ chép: *“...Những người con không noi gương tổ tiên là bất hiếu, bất mục, còn thua loài cầm thú...”* [11; 36].

Hương ước Văn La có những qui định thể hiện rõ cuộc sống văn minh tốt đẹp ví như: *Việc tế lễ nên “dụng trầm trà, hoa quả, trai bàn”, lễ khai sắc “thì năm ba người làm chung cũng được”* hoặc nói về luân lý: *người nào chửi mắng bậc tôn trưởng, thân thuộc thì chiếu theo tội tình nặng, nhẹ mà trách phạt...đường sá trong làng cần phải sạch sẽ cho hợp vệ sinh...”* [11; 37].

Làng Võ Xá nay thuộc xã Võ Ninh (huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình)

Võ Xá, xưa cũng là một làng quê giàu truyền thống văn hóa nên được chọn xếp vào nhóm “danh hương” văn vật của tỉnh Quảng Bình. Võ Xá là mảnh đất được thiên nhiên ưu đãi với vị trí chiến lược: có sông dài chạy từ nam ra bắc, có đầm lầy phía tây và cồn cát phía đông. Sông Bình Giang (Kiến Giang) đoạn chảy qua huyện Quảng Ninh thì chia thành hai chi. Một chi chảy về phía tây bắc qua Văn La hợp với sông Nhật Lệ mà ra biển; một chi chảy ra bắc qua Võ Xá.

Làng Võ Xá lập nghiệp trên cồn cát, xung quanh là những đầm lầy, chỉ có con đường độc đạo là đường Thiên lý (Quốc lộ 1A) chạy dọc xuyên qua làng. Do vị trí lợi hại đó mà Chúa Nguyễn những ngày đầu đặt chân đến phương nam đã chọn Võ Xá làm nơi xây dựng

đồn lũy, dinh cơ. Dinh Võ Xá (Đạo Lưu Đồn) là nơi có đồn binh trấn thủ 10 cơ binh của chúa Nguyễn nên còn có tên gọi là Dinh Mười.

Về Nho học, tuy không có người đỗ đại khoa song về số lượng cử nhân thì Võ Xá đứng đầu huyện Quảng Ninh với 4 vị trên tổng số 34 vị toàn huyện. Dưới triều Nguyễn, làng Võ Xá có một gia đình 4 cử nhân gồm các ông: Trần Văn Tịnh đỗ cử nhân năm Thiệu Trị thứ nhất (1841); Nguyễn Văn Thận con trai ông Tịnh, đỗ cử nhân năm Tự Đức thứ 3 (1850) làm quan đến chức Tuần vũ sau khi mất được truy phong hàm Thượng thư. Ông Nguyễn Thúc Úy (con ông Thận) đỗ cử nhân năm Thành Thái thứ 3 (1891) và Nguyễn Thúc Khẩn (em ông Úy) đỗ cử nhân năm Thành Thái thứ 15 (1903)[2]. Tương truyền Võ Xá còn có 2 vị là Phạm Quang Sính học rộng từng thi đỗ cử nhân khoa thi năm 1897, vì không chịu lạy tạ ơn viên Công sứ Pháp nên không được công nhận và ông Lê Tồn đỗ cử nhân năm 1900 cũng vì coi thường bọn quan lại Pháp mà không được thừa nhận. Cả hai ông sau đó đều về quê làm nghề dạy học... Ngoài ra Võ Xá còn có 17 vị đỗ tú tài Nho học.

Về võ học, Võ Xá có 2 người nổi tiếng là Lê Sỹ - đỗ Tào sỹ (Tiến sỹ võ) làm đến chức Hữu quân Đô thống trong quân đội triều Nguyễn và Phạm Sĩ - đỗ cử nhân làm đến chức Chương vệ sau được thăng hàm Nhị phẩm [6].

Võ Xá cũng là làng có nhiều nhân tài. Nổi bật nhất là trong số các danh nhân của làng Võ Xá là Lê Sĩ, một danh tướng trung liệt. Suốt 40 năm làm võ tướng, ông đã phục vụ tận tụy 4 triều vua từ Thiệu Trị, Tự Đức, Dục Đức đến Hiệp Hòa. Là một võ tướng tài ba, ông là người trung thành và luôn tận tụy công việc với triều đình. Lê Sĩ từng được triều Nguyễn trao cho nhiều chức vụ quan trọng như: Chương quân hữu dực, Tả dực doanh vũ Thống chế, Hữu quân Đô thống. Ông là người trực tiếp chỉ huy lực lượng bảo vệ bờ biển ở những vị trí xung yếu. Trong trận đầu Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng xâm lược Việt Nam, Lê Sĩ đã chỉ huy quân lính chiến đấu rất kiên cường, gây cho giặc nhiều thiệt hại ở Đà Nẵng. Năm 1883, trong trận Pháp tấn công cửa Thuận An, Lê Sĩ đã chỉ huy quân đội chống trả kịch liệt cuộc tấn công của quân giặc trong sự chênh lệch về lực lượng và vũ khí. Ông đã chiến đấu rất ngoan cường và hy sinh anh dũng trong trận chiến lịch sử đó.

“Võ Xá cũng là nơi hội tụ của nhiều anh hùng hào kiệt nổi danh một thời như Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến, Đốc chiến Chiêu vũ hầu Nguyễn Hữu Dật...từ đây con trai Nguyễn Hữu Dật là Hào lương hầu Nguyễn Hữu Hào đưa quân chinh phạt Chân Lạp rồi chiến thắng trở về”[8; 477].

Làng Cổ Hiền nay là thôn Cổ Hiền, xã Hiền Ninh (huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình)

Về địa lý, “Cổ Hiền là dư khí của hai dãy núi Án Sơn và Thần Đinh thuộc sơn hệ phía nam Quảng Bình. Khi hai con sông Kiến Giang và Long Đại gặp nhau làm thành con sông Nhật Lệ thì chỗ giáp lưu của ba con sông là địa đầu của làng Cổ Hiền. Nhìn vào bản đồ thì Cổ Hiền có hình tam giác nhọn mà đỉnh là mũi Đuôi Diện, đáy là dải đồng bằng vắt ngang từ bên này bờ sông Kiến Giang sang tận bờ sông Long Đại, qua các làng Xuân Dục, Trường Dục,..., Hóa Lò và cạnh là hai dòng sông ấy”[9;17].

Cổ Hiền xưa nổi tiếng về truyền thống khoa bảng và hiếu học. Dưới triều Nguyễn cư dân Cổ Hiền có bảng vàng thành tích đáng tự hào với 2 tiến sỹ gồm Lê Hữu Đệ, Lê Đại

(người Phan Xá nhưng sinh ra và lớn lên ở Cổ Hiền) và 11 tú tài. Khác với nhiều nơi, Cổ Hiền có tục lệ rất tôn trọng người khoa bảng. Đó là việc Cổ Hiền liệt thờ các nhà khoa bảng là khai khoa các họ và làng vào Văn thánh bên dưới Khổng tử. Điều khác biệt với các nơi là Cổ Hiền thờ các vị khai khoa đầu tiên ở bậc tú tài trở lên trong khi những nơi khác chỉ thờ người đỗ đại khoa. Cổ Hiền cũng là một trong số ít các làng ở Quảng Bình mở trường học từ rất sớm. Nhiều gia đình có nhiều thế hệ đi học mà không đi thi hoặc chỉ thi lấy lệ rồi về quê mở trường dạy học để đào tạo cho con em trong làng; tiêu biểu trong số đó là cụ Lê Văn Quy. “Cụ tuy không đi thi nhưng sức học và tài văn chương thì ít ai sánh kịp. Cụ chuyên dạy học là bậc thầy của nhiều giám sinh, cống sỹ. Con của cụ là Lê Văn Sinh thi trường tỉnh đồ đầu (Đầu xứ) rồi cũng ở nhà nối nghiệp cha tiếp tục dạy học, duy trì trường ốc do bố lập ra. Con của Lê Văn Sinh là tú tài Lê Duy Hàn cũng nối nghiệp ông cha truyền dạy tri thức cho môn đệ. Học trò các ngài rất đông”[9; 148]. Dưới chế độ phong kiến Cổ Hiền có số người làm quan rất đông đảo.

Quan võ Cổ Hiền có: Nguyễn Viết Cảnh - Thừa tra tướng quân; Lê Hữu Lệ - Sơn Tây hùng hữu quân; Trương Đình Khanh - Long vũ, tả vệ Phó vệ quân; Lê Đức Hộ - Hữu hùng cơ; Lê Đức Hán - Tiền quân hữu hùng cơ; Nguyễn Viết Quang - Phụng Dục tướng quân; Lê Đức Uyên - Hùng liệt tướng quân; Trương Đình Hoan - Phó thể tướng quân; Trương Đình Hoàn - Hiệu úy tài xá; Trương Đình Khác - Tiền hùng cơ, hữu quân tri hộ; Trương Đình Thực - Định bắc cơ, tri hộ; Trương Đình Quế - An Bắc lục cơ tri hộ, Trương Đình Thị - Đô đốc.

Quan văn Cổ Hiền có: Lê Hữu Đệ - Giám sát ngự sử; Lê Đại - Bố Chánh Hà Tĩnh; Lê Đức Hiệp - Án sát Hải Dương; Trương Đình Lịch - Lộc thể hầu; Lê Đức Huy - Vinh lộc đại phu; Lê Đức Nhuận - Tư thiện đại phu; Trương Đình Đình - Phụng nghị đại phu; Trương Đình Khoan - Hình bộ Thị lang; Trương Đình Hòe - Tri phủ; Nguyễn Viết Tuấn - Hộ bộ tri vụ; Nguyễn Công Đạo - Nội thị nội triều; Lê Đức Vy - Tri bộ; Nguyễn Viết Đình - Lễ bộ thư lại; Trương Đình Phổ - Công bộ thư lại.

Cổ Hiền là làng có nhiều di tích về tín ngưỡng văn hóa và lịch sử. Cổ Hiền lập rất nhiều miếu thờ: Miếu 5 bà thờ ngũ hành gồm kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; miếu ông thờ Thành hoàng, miếu thờ bà Đại càn (miếu Tam Tòa), Miếu thờ Khổng Tử (Văn Thánh). Văn Thánh của Cổ Hiền ngoài việc thờ Khổng Tử còn thờ cả các vị khai khoa của làng. Cổ Hiền có các di tích lịch sử như nền Thần nông, lũy Trường Dục, Miếu Thổ công ở xóm Chợ, Chùa thờ Phật. Nhà thờ 3 họ Lê, Nguyễn, Trương thờ các Thủy tổ họ cũng là các vị Khai canh của làng. Các nhà thờ họ này trong chống Mỹ được chọn làm trụ sở dã chiến của Bộ Tư lệnh Đoàn 559. Trường cấp ba Quảng Ninh trước đây có một thời gian cũng được sử dụng làm nhà khách của Bộ Tư lệnh Đoàn 559; do đó ngoài di tích lũy Trường Dục thì các di tích liên quan đến Đoàn 559 ở Cổ Hiền đều được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia.

Cổ Hiền là làng có nhiều lễ hội, trước đây hằng năm gần như mỗi tháng làng đều có tế lễ công cộng. Tháng giêng: Tết Nguyên Đán cúng tế như các nơi khác ngoài ra Cổ Hiền còn làm lễ Khai hạ; rằm tháng giêng lễ Thượng Nguyên tế trai chay ở các đền miếu. Tháng hai: lễ Xuân Đình tế Khổng Tử. Tháng ba: lễ Cầu mùa (Cầu chến); lễ Thanh minh dân làng tự nguyện dâng lễ đi sửa mộ mà cúng cô hồn. Tháng tư: lễ Phật Đản mừng Phật Thích Ca

giáng thể. Tháng 5: cúng tết Đoan Ngọ như các nơi khác. Tháng 6: lễ Kỳ Phúc là lễ lớn nhất trong năm, làng rước sắc phong của các vị thần chủ trong tất cả miếu đền về đình làng để làm lễ. Tháng 7: lễ Dương khao là lễ xá tội vong nhân; tháng này còn có lễ Hạ canh (Hạ điền) cúng Thần nông. Tháng 8: tết Trung thu không chỉ ngày hội của trẻ em mà còn là ngày cúng của làng tại đình làng. Tháng 9: lễ Hạ ương (bắc mạ) cúng Thần Nông. Tháng 10: lễ Hạ nguyên tất cả đền miếu đều cúng đồ chay.

Cổ Hiền có một nền văn hóa, văn học dân gian đặc sắc mà phong phú về thể loại như: hò khoan (hò giã gạo), hò đối đáp giao duyên, hò nhân ngãi; các chuyện kể và giai thoại: chuyện *nhờ thần giết hổ*, chuyện *ông Lê Mậu Thường*; giai thoại *bà Vật đỡ đẻ cho hổ*; chuyện *ông Bá Hộ*; giai thoại *ông Bơi bà Bỏ*; giai thoại *ông Đổ*; giai thoại *tiến sỹ Lê Đại* [8].

Làng Kim Nại nay là thôn Kim Nại, xã An Ninh (huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình)

Kim Nại buổi đầu có tên là Đình Nại, đến thời nhà Nguyễn, làng được đổi tên thành Kim Đình rồi Kim Nại và cái tên đó được bảo lưu đến ngày nay. Kim Nại cũng được coi là đất địa linh vì làng nằm giữa cánh đồng thẳng cánh cò bay của huyện Quảng Ninh, xa xa về phía tây làng có “dãy núi đá Trường Sơn nhấp nhô uốn lượn rồi ăn lan và thấp dần về hướng đông bỗng nhô lên thành một ngọn đồi đứng xa trông như con voi đang quỳ; bởi vậy có người đặt tên là đồi Voi Phục”[11;59]. Đồi này người Kim Nại gọi là “lòi” vì ở đây cây cối um tùm với nhiều loại gỗ quý như lim, táu, gụ và nhất là dạ hương ngày đêm tỏa hương thơm ngát khiến ai “qua Đình Nại nhớ mùi hảo vị”. “Làng tựa lưng vào đồi Voi phục và đồi trở thành huyền vũ che ngọn gió lạnh cho làng mỗi khi đông về. Từ đầu voi, mạch nước ngầm bật khỏi lòng đất tạo thành ba âu nước trong veo”[11; 60] như ba con rồng khổng lồ tạo nên cái thế các thầy địa lý xưa gọi là “*tam long quy phục*”. Đất đai Kim Nại rất phì nhiêu, màu mỡ cho thu hoạch mỗi năm hai vụ lúa năng suất khá cao. Nhờ đó mà đời sống người dân Kim Nại nhìn chung tương đối khá giả nên họ có điều kiện để đầu tư cho con em học hành.

Tuy không có người đỗ đại khoa song Kim Nại vẫn được ca ngợi là một làng hiếu học. Bằng chứng là con em Kim Nại học hành chăm chỉ và dân làng rất chăm lo việc học hành của con cái. Thấy con em của làng đi thi mãi mà chưa có người đỗ, dân làng rất trăn trở, ngoài việc tìm thầy giỏi về dạy học họ còn lập đàn tế lễ tìm nơi xây dựng đền Văn thánh thờ ông tổ Nho học. Sau khi xây đền vẫn chưa có người đỗ đạt dân làng tiếp tục chuyển địa điểm tìm nơi có vượng khí. Do đó Văn thánh của Kim Nại từ Lòi Thụng chuyển tới Ngọc Khánh rồi tới Nương Sơn. Với tinh thần hiếu học người Kim Nại rất đề cao những người khoa cử đỗ đạt vì thế mà khi hai Nho sinh đầu tiên của làng chỉ đỗ tú tài nhưng đều được dân làng vinh thăng thành hai “ông Nghè”(từ dùng để chỉ Tiến sỹ trước đây). Hai ông nghè (nghè Phan và nghệ Lê) này lập tức mở lớp để đào tạo con em trong làng. Nhờ cần cù, chịu khó dạy dỗ và học tập nên không lâu sau trên bảng vàng Hương khoa của nhà Nguyễn, làng Kim Nại lần lượt xuất hiện tên tuổi các cử nhân. Ngài Lê Công Bằng đỗ cử nhân khoa Tân Dậu năm Tự Đức thứ 14 (1861) lúc đầu làm Giáo thụ được ca tụng là một thầy giáo có đức có tài; sau thăng đến chức Tổng đốc. Lê Công Đàn đỗ cử nhân khoa Quý Dậu năm Tự Đức thứ 26 (1873). Lê Công Nhiếp đỗ cử nhân (không rõ năm nào) làm quan tới Tổng đốc sau thăng lên Thượng thư bộ Lễ - hàm Hiệp tá đại học sỹ[13].

Kim Nại là làng có nhiều người làm quan, song các tài liệu thành văn còn lại để tra cứu không nhiều, hiện tại chúng ta chỉ mới biết đến những người thật nổi tiếng mà thôi. Sơ bộ thống kê thấy Kim Nại có Thượng thư (Lê Công Nhiếp), Tổng đốc (Lê Công Báng), Lang trung (Lê Công Lương)...

Kim Nại cũng là làng có nhiều lễ hội; tháng giêng ngoài tết Nguyên Đán thì làng còn có lễ Khai sơn để mọi người có thể lên rừng khai thác lâm sản; tháng hai tế Xuân thủy; tháng ba làm lễ Cầu chẹn; tháng 6 làm lễ Kỳ phúc,...đặc biệt Kim Nại có lễ Công hộ được tiến hành vào tiết Thanh minh hàng năm. Lễ Công hộ diễn ra sau khi dân làng tảo mộ những người vô tự và người qua đường chẳng may thiệt mạng. Sau khi tảo mộ xong, làng tổ chức nghi lễ cúng tế rất long trọng; có lễ nhạc, khánh chúc; trà quả hoa quả; và mỗi gia đình trong làng thì làm cỗ bàn để dâng cúng tùy theo điều kiện. Nhà thì cúng xôi gà, nhà cúng đầu heo, nhà khác làm mâm ngũ quả...

“Người Kim Nại có cách giao tiếp rất lịch sự, trong làng không gọi tên húy mà cha mẹ được gọi theo tên người con đầu. Người Kim Nại có tiếng hiếu khách dù mới gặp họ cũng mời mọc chân tình, khoản đãi thực lòng”[11; 61].

Kết luận

Dù mỗi làng có những đặc điểm riêng song các *danh hương* nói trên đều có những nét tương đồng và nổi trội làm nên đặc trưng của danh hương văn vật ở tỉnh Quảng Bình. Các *danh hương Sơn, Hà Cảnh, Thổ, Văn, Võ, Cổ, Kim* đều là những làng quê có cảnh quan kỳ tú, có truyền thống hiếu học, nhiều người khoa bảng đỗ đạt, có sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc, có hệ thống di tích vật thể phong phú, có nhiều trai tài gái sắc,...Những đặc trưng đó là những cơ sở để dân gian lựa chọn và tôn vinh các làng này là “danh hương”. Những giá trị văn hóa của các “danh hương” này không chỉ là tài sản của riêng địa phương đó mà còn là tài sản chung của cộng đồng cư dân Quảng Bình góp phần làm nên diện mạo văn hóa vùng đất Quảng Bình và làm phong phú thêm kho tàng văn hóa của dân tộc Việt Nam. Do đó việc tìm hiểu, nghiên cứu và giới thiệu một cách hệ thống, cụ thể các *danh hương* với cả nước và bạn bè ở nước ngoài cũng như làm tài liệu giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau của địa phương đang trở nên rất cần thiết. Mặt khác là công cuộc công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn hiện nay đã và đang làm cho các làng quê ở nước ta biến đổi nhanh chóng; không ít các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của quê hương đã và đang bị mai một. Do đó việc nghiên cứu giới thiệu các *danh hương* văn vật hiện nay là một trong những công việc không thể chậm trễ và cũng góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc mà các nghị quyết của Đảng đã đề ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Trần Đại Vinh -Hoàng Văn Phúc dịch, Nxb Thuận Hóa, 2001.
- [2] Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1993.
- [3] *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, 1970.
- [4] *Lê Quý Đôn toàn tập tập 1 (Phủ biên tạp lục)*, Nxb Văn hóa Thông tin, HN, 2007.

- [5] Trần Hoàng, *Sinh hoạt văn hóa dân gian làng biển Canh Dương*, Nxb Văn hóa TT, 2009.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2 NXB Thuận Hóa.
- [7] Nguyễn Khắc Thái, *Quảng Bình 410 năm hình thành và phát triển*, đề tài khoa học cấp tỉnh, 2013.
- [8] Nguyễn Tú, *Quảng Bình nước non và lịch sử*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình, 1998.
- [9] Nguyễn Tú, *Địa chí làng Cổ Hiền*, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình, 2000.
- [10] Đỗ Duy Văn, *Địa chí làng Thổ Ngọa*, NXB Khoa học Xã hội, 2010.
- [11] Đỗ Duy Văn, *Văn hóa dân gian huyện Quảng Ninh*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2010.
- [12] Nguyễn Tú, “Về ngày thành lập tỉnh Quảng Bình”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình*, sở Khoa học Công nghệ & Môi trường Quảng Bình, 2001, tr.77-83.
- [13] Ngọc Hiền Hiền, “Kim Nai - Làng quê văn vật”, *Tạp chí Văn hóa Quảng Bình* số 11-2013.
- [14] Mai Đình Lê Tộ, “Lê Sơn vãi tiến và cụ Lê Bính”, *tập san Hội đồng châu Quảng Bình tại Sài Gòn*, 1974.
- [15] Trần Tuấn Anh, “Quảng Văn vùng đất và con người - Quá trình hình thành và phát triển xã Quảng Văn Huyện Quảng Trạch”, nguồn tin Lịch sử Đảng bộ xã Quảng Văn (1930 -2000) website: *langlaha.com*.

SOME PROMINENT FEATURES OF “EIGHT VILLAGES WELL KNOWN FOR STUDYING” AT QUANG BINH PROVINCE

Abstract. *This article focuses on introducing some prominent features of each “well-know for studying village” among eight ones in Quang Binh province such as: Le Son, La Ha, Canh Duong, Tho Ngoa, Van La, Vo Xa, Co Hien and Kim Nai.*